

KIỀU VĂN BỨC
TRẦN THỊ KIM DUNG
LÊ ĐÌNH THUẦN

ÔN TẬP CÙNG CÔ KIẾN THỨC NGỮ VĂN



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TÀI LIỆU ÔN THI VÀO LỚP 10
VIẾT THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

9

(Tái bản lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm đáp ứng nhu cầu ôn tập kiến thức và rèn luyện kỹ năng để chuẩn bị thi vào lớp 10 Trung học phổ thông chuyên và không chuyên, chúng tôi biên soạn tập tài liệu này. Nội dung ôn tập chủ yếu tập trung vào chương trình lớp 9 và căn cứ vào Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Ngữ văn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Bộ Tài liệu ôn thi vào lớp 10 này gồm có năm cuốn : Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hoá học.

Tài liệu ÔN TẬP – Củng cố kiến thức Ngữ văn 9 gồm có hai phần :

Phần một. Kiến thức trọng tâm

- A. Văn học
- B. Tiếng Việt
- C. Làm văn

Phần hai. Bài tập tự luyện và đề tổng hợp

- A. Đề bài
- B. Hướng dẫn làm bài

Tài liệu này giúp các em nắm vững kiến thức cơ bản trong chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở, đặc biệt là ở lớp 9. Trên cơ sở những kiến thức về Văn, Tiếng Việt và Làm văn, học sinh tự luyện những bài tập cụ thể. Tài liệu còn nêu các gợi ý khi thực hành, luyện tập các đề tổng hợp, khơi gợi sự sáng tạo của các em khi ôn tập và làm bài. Mong các em sử dụng tài liệu một cách sáng tạo để đạt được kết quả cao trong kì thi sắp đến.

Vì những hạn chế khách quan và chủ quan, chắc chắn tài liệu này sẽ không tránh khỏi những sơ sót trong việc biên soạn, in ấn. Rất mong sự góp ý của quý thầy, cô giáo và các em học sinh để chúng tôi hoàn chỉnh trong những lần tái bản.

Chân thành cảm ơn quý đồng nghiệp và các em học sinh.

Các tác giả



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

A. VĂN HỌC

§1. CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Trích *Truyền kì mạn lục* – Nguyễn Dữ)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả Nguyễn Dữ và *Truyền kì mạn lục*

– Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh, năm mất), người huyện Trường Tây, nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

– Ông sống ở thế kỉ XVI, thời kì chế độ phong kiến nhà Lê bắt đầu suy vong, các cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến Lê, Mạc, Trịnh đã gây nên bao nỗi tang thương cho nhân dân.

– Ông học rộng, tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi cáo quan về quê nuôi mẹ già, viết sách, sống ẩn dật như phần lớn trí thức đương thời.

– *Truyền kì mạn lục* (Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền) : tác phẩm viết bằng chữ Hán, gồm hai mươi truyện. Cốt truyện chủ yếu được khai thác dựa vào các truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử, dã sử Việt Nam. Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khát khao một cuộc sống yên bình, hạnh phúc nhưng các thế lực bạo tàn và lễ giáo phong kiến đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất. Truyện còn có một kiểu nhân vật khác là những người trí thức có tâm huyết nhưng bất mãn trước thời cuộc thối nát, chọn cuộc sống ẩn cư, giữ mình trong sạch. *Truyền kì mạn lục* được xem là áng “thiên cổ kì bút”, có giá trị nhân đạo sâu sắc.

2. *Chuyện người con gái Nam Xương* là truyện thứ 18, là một trong số 11 truyện viết về người phụ nữ. Truyện có nguồn gốc từ truyện cổ dân gian *Vợ chàng Trương* tại huyện Nam Xương (Lí Nhân – Hà Nam ngày nay).

3. Tóm tắt truyện.

Người con gái Nam Xương tên là Vũ Thị Thiết, tính tình thủy mị, nết na ; lấy chồng là Trương Sinh, người cùng làng, vốn có tính đa nghi ;

Trương Sinh đi lính ; nàng ở nhà sinh con (bé Đản) và phụng dưỡng mẹ chồng ; nửa năm sau thì mẹ chồng mất, nàng lo ma chay chu đáo như lo cho mẹ đẻ ;

Mãn việc quân, Trương Sinh về làng, nghe lời nói của con trẻ, chàng nghi vợ không chung thủy, nghiễm mắng và đánh đuổi nàng đi ; oan ức nàng gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn ;

Trương Sinh nghe bé Đản chỉ bóng chàng trên tường mà gọi cha, hiểu ra mọi lẽ, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc đã rồi ;

Phan Lang là người cùng làng với Vũ Nương, do cứu mạng thần rùa Linh Phi, vợ vua Nam Hải, nên khi chạy nạn, chết đuối ở biển đã được Linh Phi cứu sống để trả ơn. Vũ Nương cũng được Linh Phi cứu, đưa về Thủy cung.

Phan Lang gặp lại Vũ Nương đang sống trong động của Linh Phi. Phan Lang được trở về trần gian, Vũ Nương gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn Trương Sinh ;

Trương Sinh nghe Phan Lang kể, bèn lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang. Vũ Nương hiện về, ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, lúc ẩn, lúc hiện nhưng không thể quay lại trần gian được nữa.

4. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

a) Giá trị nội dung

• Giá trị hiện thực :

– *Chuyện người con gái Nam Xương* là câu chuyện về cuộc đời và nỗi oan khuất của Vũ Nương, một người phụ nữ có nhan sắc, nết na, đức hạnh, chỉ vì lời nói ngây thơ của con trẻ mà bị chồng nghi ngờ, bị đẩy đến bước đường cùng phải trầm mình tự vẫn. Số phận của Vũ Nương cũng là số phận của nhiều người phụ nữ khác trong chế độ phong kiến.

– Truyện còn phản ánh hiện thực xã hội phong kiến Việt Nam :

+ Xã hội dung túng cho thói trọng nam khinh nữ. Hành động ghen tuông của Trương Sinh là hệ quả của loại tính cách gia trưởng, sản phẩm của xã hội phong kiến đương thời.

+ Cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa các thế lực phong kiến cũng là nguyên nhân gián tiếp gây nên cái chết của Vũ Nương. Nếu không có chiến tranh, số phận mỗi nhân vật có thể đã khác, truyện đã phản ánh hiện thực xã hội phong kiến Việt Nam đương thời.

• Giá trị nhân đạo :

– Giá trị nhân đạo của tác phẩm thể hiện ở :

+ Niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ ; đồng thời ngợi ca phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ qua hình tượng nhân vật Vũ Nương : hiền thực, chung thủy ; dịu dàng, yêu thương với con ; hiếu thảo với mẹ chồng.

+ Khát vọng về một cuộc sống tốt đẹp, công bằng mà ở đó con người sống và đối xử với nhau bằng lòng nhân ái ; ở đó nhân phẩm con người được đề cao, được tôn trọng.

+ Câu chuyện còn đề cao triết lí nhân nghĩa “ở hiền gặp lành” thể hiện qua phần kết thúc có hậu giống

– Yếu tố kì ảo hoàn chỉnh thêm đức tính tốt đẹp của nhân vật Vũ Nương :

Cho dù không thể quay lại với cuộc sống trần thế nhưng tấm lòng nàng vẫn thiết tha với gia đình, vẫn mong nhân phẩm mình được rửa sạch, minh oan. Hình ảnh Vũ Nương thấp thoáng, xiêm y rực rỡ... cũng làm cho nhân vật trở nên thiêng liêng, huyền bí hơn.

– Tuy nhiên, việc Vũ Nương không thể trở lại cõi trần, việc nàng không thể gặp lại chồng con và hình bóng nàng mờ nhạt dần rồi biến mất cho thấy dù đã rất cố gắng, tác giả vẫn không thể xoá được tấn bi kịch cay đắng mà nàng phải gánh chịu.

§2. TRUYỆN KIỀU

(Nguyễn Du)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả Nguyễn Du

– **Tác giả** : Nguyễn Du (1765 – 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên ; quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

– **Thời đại** : Ông sống vào giai đoạn cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Đây là giai đoạn lịch sử đầy biến động với hai đặc điểm nổi bật : chế độ phong kiến Việt Nam rơi vào khủng hoảng trầm trọng và phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn và quét sạch hai mươi vạn quân Thanh xâm lược. Những yếu tố này có ảnh hưởng nhiều tới tình cảm, nhận thức của tác giả.

– **Gia đình** : Nguyễn Du sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống văn học.

– Cuộc đời :

- + Lúc nhỏ : sớm mồ côi, 9 tuổi mất cha, 12 tuổi mất mẹ ;
- + Từ 1786 – 1796 : phiêu bạt 10 năm trên đất Bắc ;
- + Từ 1796 – 1802 : về ở ẩn tại quê nội Hà Tĩnh ;
- + Từ 1802 : bắt đầu đi ông ra làm quan cho triều Nguyễn ;
- + 1813 – 1814 : được cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc ;
- + 1820 được cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc lần thứ hai, nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh và mất tại Huế.

Tóm lại, cuộc đời Nguyễn Du có những nét lớn sau đây :

- Cuộc đời chìm nổi, từng trải, vốn sống phong phú, kiến thức sâu rộng.
- Có trái tim nhân hậu, cảm thông sâu sắc với những đau khổ của nhân dân.
- Là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa, một danh nhân văn hoá thế giới.
- **Sự**

• Sức mạnh đồng tiền và số phận những con người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ.

+ Giá trị nhân đạo :

• Thể hiện niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, đặc biệt là người phụ nữ.

• Lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo, xấu xa chà đạp lên quyền sống con người. Đề cao tự do và công lí.

• Trân trọng đề cao con người từ vẻ đẹp ngoại hình đến phẩm chất, tài năng và khát vọng, ước mơ tình yêu chân chính.

– Về nghệ thuật

+ Trong *Truyện Kiều*, ngôn ngữ dân tộc đã đạt đến trình độ điêu luyện, thể thơ lục bát đã đạt đến đỉnh cao rực rỡ.

+ *Truyện Kiều* mẫu mực ở nhiều phương diện : nghệ thuật dẫn chuyện, nghệ thuật miêu tả thiên nhiên – tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật khắc hoạ tính cách và miêu tả tâm lí con người.

II. BÀI TẬP

Đề 1. Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của *Truyện Kiều*.

Đề 2. Viết bài thuyết minh giới thiệu tác giả Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều*.

Đề 3. Nghệ thuật tả người của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*.

Đề 4. Trong bài thơ *Đọc Kiều*, Chế Lan Viên viết :

Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc

Sắc tài sao mà lại lắm truân chuyên.

Cho biết ý kiến của em về nhận định trên.

Đề 5. Mở đầu tác phẩm *Truyện Kiều*, thi hào Nguyễn Du viết :

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Qua các trích đoạn *Truyện Kiều* đã học và đọc thêm trong chương trình *Ngữ văn* lớp 9, em hãy làm sáng tỏ những điều trông thấy trước cuộc bể dâu và nỗi đau đớn lòng của nhà thơ.

III. GỢI Ý LÀM BÀI

Đề 1, 2. Học sinh tự làm

Đề 3. Nghệ thuật tả người trong *Truyện Kiều* thật

– Mở rộng :

+ Thái độ phê phán xã hội phong kiến và thế lực đồng tiền đã chà đạp lên tài sắc con người.

+ Dân tộc ta đã và đang viết lên trang sử mới đẹp hơn.

• Đề 5

1. Những điều trông thấy trước cuộc bể dâu là hình ảnh cuộc sống được Nguyễn Du thể hiện trong *Truyện Kiều* (qua các trích đoạn đã học và đọc thêm) :

a) Thuý Kiều tài sắc (phân tích, dẫn chứng : *Thuý Kiều* lẽ ra phải được sống hạnh phúc với mối tình trong sáng cùng Kim Trọng (*Người quốc sắc, kẻ thiên tài*) bỗng chốc vì cơn gia biến phải bán mình chuộc cha, trở thành món hàng cho Mã Giám Sinh – một con buôn vô học – *đắn đo cân sắc cân tài, cò kè bớt một thêm hai* để rồi cuối cùng *giờ lâu ngả giá vâng ngoài bốn trăm, bắt đầu kiếp sống lưu lạc, ô nhục, đau đớn ê chề...* (*Mã Giám Sinh mua Kiều*).

b) Từ Hải đường đường một đấng anh hào, dũng mãnh phi thường, tài cao trí cả, rất mực phóng túng ngang tàng sánh vai cùng Kiều : *trai anh hùng, gái thuyền quyên – Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng* (*Kiều gặp Từ Hải*) bỗng chốc sa cơ, chết trong uất hận... (*Kiều mắc lừa Hồ Tôn Hiến*).

2. Nỗi đau đớn lòng của nhà thơ

a) Là nỗi đau trước sự bạo tàn của xã hội phong kiến đương thời đầy rẫy những cái xấu, cái ác (thế lực đồng tiền, quan lại bất nhân...) đã chà đạp lên cái tài, cái đẹp ; chà đạp ước mơ, khát vọng về hạnh phúc, tự do của con người...

b) Nỗi đau ấy có lúc được tác giả trực tiếp thốt thành lời :

+ *Tiền lưng đã sẵn, việc gì chẳng xong !*

+ *Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn !*

+ *Một cung gió thảm mưa sầu,*

Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay

+ *Thương thay cũng một kiếp người.*

...

có lúc như hoà vào tâm

tự tử nhưng không thành. Tú Bà vờ hứa gả chồng cho nàng, đem nàng ra giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để nghĩ cách bắt nàng phải tiếp khách làng chơi.

2. Đoạn trích gồm 22 câu. Sáu câu thơ đầu thể hiện hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều. Tám câu thơ tiếp theo là nỗi nhớ thương của nàng về Kim Trọng và cha mẹ. Tám câu thơ cuối là nỗi đau buồn, âu lo cho số phận của Kiều.

3. Sáu câu thơ đầu miêu tả cảnh thiên nhiên, thiên nhiên rất đẹp nhưng nhuộm màu sầu não. Hoàn cảnh của Kiều là hoàn cảnh cô đơn, cay đắng xót xa. Tâm trạng trống vắng, rợn ngợp. Không gian càng xa rộng thì lòng người càng thêm trống vắng, bề bồng. *Bề bồng mây sớm đèn khuya / Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.*

4. Trong hoàn cảnh cô đơn nơi đất khách quê người, tâm trạng Kiều đã chuyển từ buồn sang nhớ. Nàng nhớ người yêu, nhớ cha mẹ. Nỗi nhớ ấy được Nguyễn Du miêu tả xúc động bằng những lời độc thoại nội tâm của chính nhân vật. Nỗi nhớ của Kiều diễn ra rất phù hợp với quy luật tâm lí của con người (nhớ Kim Trọng trước nỗi nhớ cha mẹ). Từ ngữ được sử dụng rất thành công (*Tưởng* chứ không phải *nhớ*; *Xót* chứ không phải *nhớ*). Kiều chung tình và hiếu thảo đến vậy.

5. Tám câu thơ cuối, tâm trạng Kiều lại hướng ra ngoài cảnh vật. Đây là những câu thơ đặc sắc bậc nhất về nỗi buồn. Nỗi buồn trào dâng, lan toả vào thiên nhiên như từng đợt sóng. Mỗi đợt sóng buồn là một nỗi âu lo tạo thành điệp khúc (điệp ngữ *Buồn trông*) về những trạng thái tình cảm khác nhau. Mỗi cặp câu là mỗi tâm trạng: bơ vơ, xót xa cho duyên phận, tình cảnh bi thương và tương lai mờ mịt, dự cảm về cuộc sống bấp bênh với biết bao tai hoạ đang bủa vây.

6. Nguyễn Du sử dụng đặc sắc ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong đoạn thơ.

II. BÀI TẬP

Đề 1. Có ý kiến cho rằng đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là bức tranh tâm tình đầy xúc động. Hãy cho biết ý kiến của em.

Đề 2. Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng Thuý Kiều qua đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.

III. GỢI Ý LÀM BÀI

Đề 1. Học sinh tự làm.

Đề 2. 1. Sáu câu thơ đầu, tác giả tả cảnh lầu Ngưng Bích, đồng thời thông qua bức tranh thiên nhiên thể hiện bức tranh tâm trạng của nhân vật.

– Về *non xa, tấm trăng gần ở chung*. Có thể hiểu *non xa* và *trăng gần*

Đề 2. Trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật có đoạn viết :

*"Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.
Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái."*

Em hãy phân tích đoạn thơ trên.

*Đề 3. Cảm nhận của em về hình tượng người lính lái xe trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật.

Đề 4. Giá trị nội dung và vẻ đẹp nghệ thuật của *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật.

III. GỢI Ý LÀM BÀI

Đề 1. 1. Những thiết bị vốn có của chiếc xe, vì hiện thực ác liệt của chiến tranh, đã trở nên không có :

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi
Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,*

2. Từ những cái không có này dẫn đến cái có của sự gian khổ ở người lính :

*– Không có kính, ừ thì có bụi,
– Không có kính, ừ thì ướt áo..*

và cái có của thiên nhiên đầy chất thơ :

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.*

cái có của tình đồng đội, vô tư, ngang tàng mà thật đẹp :

*Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.*

3. Nhưng vượt lên trên tất cả, vượt qua cái thiếu thốn, không có, "cái không" đã làm nổi bật lên cái có đẹp đẽ của tinh thần yêu nước và lòng quả cảm của người lính lái xe :

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước :
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

4. "Cái không" và "cái có" tạo nên tứ thơ độc đáo ở *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, gợi nên nhiều liên tưởng bất ngờ, thú vị.

Đề 2. 1. Đoạn thơ thứ nhất :

– Hình tượng những chiếc xe của *Tiểu đội xe không kính* :

